

Số: /BC-LĐT BXH

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội quý 1/2022, Và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý 2 năm 2022

Thực hiện Công văn số /UBND ngày /03/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội, XDCB quý I năm 2022 và xây dựng phương hướng nhiệm vụ kế hoạch quý II năm 2022.

Thực hiện chức năng tham mưu UBND huyện quản lý Nhà nước về các lĩnh vực: lao động - việc làm, dạy nghề, tiền lương - tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, an toàn lao động, chính sách Người có công, bảo trợ xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội, bình đẳng giới.

Qua thời gian triển khai thực hiện nhiệm vụ trong quý I năm 2022, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả thực hiện các mặt công tác chuyên môn cụ thể như sau:

### PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUÝ I NĂM 2022:

#### A.KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

##### 1. Công tác lao động việc làm.

Tình hình nguồn lao động trên địa bàn huyện hiện nay có 137.958 nhân khẩu Trong đó người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên là 90.225 lao người, chiếm 66 % dân số.

Về tình hình nguồn lao động: Nguồn lao động hiện nay ước toàn huyện có 90.225 người trong độ tuổi lao động có việc làm thường xuyên bao gồm: Nhóm ngành nghề nông, lâm ngư nghiệp thủy hải sản là 64.737 người. Nhóm ngành nghề công nghiệp, xây dựng là 13941 người. Nhóm ngành nghề dịch vụ thương mại là 11.547 người.

##### 2. Tình hình sử dụng lao động, tiền lương, tiền công ở các công ty doanh nghiệp.

Tổng số Công ty, Doanh nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay là 202 Doanh nghiệp/6.264 lao động, có 66 công ty doanh nghiệp sử dụng trên 10 lao động và 40 doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm cây trồng các loại trên địa bàn huyện. Tính đến thời điểm báo cáo toàn huyện có 202 công ty doanh nghiệp do tình hình COVID-19 tất cả các công ty doanh nghiệp phải tuân thủ nguyên tắc vừa sản xuất vừa thực hiện các biện pháp phòng chống dịch đảm bảo tính mạng cho người lao động nên phải thu hẹp quy mô hoạt động và không có nhu cầu tuyển dụng thêm người lao động vào làm việc.

Cuộc sống của người lao động ở các Công ty, Doanh nghiệp tương đối ổn định, các Doanh nghiệp trả lương và phụ cấp cho công nhân, người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng.

### **3. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.**

Thực hiện việc thẩm định hồ sơ người nghiện ma túy chuyển Tòa án Nhân dân huyện và tham gia các phiên họp xét với góc độ là cơ quan đề nghị Tòa án xem xét đưa người nghiện ma túy vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tây Ninh để cai nghiện bắt buộc theo đề án cai nghiện ma túy của UBND tỉnh Tây Ninh

Trong tháng tiếp nhận 5 hồ sơ đối tượng nghiện ma túy, do Công an các xã lập đưa đi cai nghiện bắt buộc theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Kết quả đơn vị đã kiểm tra đối chiếu và đề nghị chuyển 5 hồ sơ sang cơ quan Tòa án huyện Tân Châu tổ chức họp xét đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Tây Ninh theo Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

### **4. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 68.**

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Thực hiện Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

#### **4.1 Kết quả tiếp nhận giải quyết hồ sơ**

Kết quả tính đến ngày 04 tháng 3 năm 2022 phòng lao động Thương binh và xã hội đã tiếp nhận, kiểm tra đề nghị 1.550 hồ trợ lũy kế từ khi thực hiện đến ngày báo cáo đã nhận 49.968 hồ sơ, với tổng kinh phí đề nghị tổng kinh phí 76.033,205 triệu đồng, gồm 5 nhóm đối tượng sau:

- Hồ sơ người lao động tạm hoãn việc: Lũy kế từ trước đến nay 1.215 hồ sơ/4.744,045 triệu đồng.

- Hồ sơ người lao động ngừng việc: Lũy kế 269 hồ sơ/323 triệu đồng.

- Hồ sơ F1, F0, giải quyết mới trong ngày 1.550 hồ sơ, Lũy kế từ trước đến nay là 6.778 hồ sơ/7.701,330 triệu đồng, gồm: 4.258 hồ sơ F0/4.908,150 triệu đồng và 2.520 hồ sơ F1/2.793,180 triệu đồng.

- Hồ sơ hộ kinh doanh: Lũy kế 481 hồ sơ/1.443,0 triệu đồng.

- Lao động tự do 41.320 hồ sơ/ 61.980.000 triệu.

#### **4.2 Kết quả giải quyết và chi hỗ trợ**

- Tổng số quyết định được UBND tỉnh, UBND huyện phê lũy kế từ trước đến nay 166 Quyết định với 49.968 hồ sơ, với tổng kinh phí đề nghị tổng kinh phí 76.033,205 triệu đồng, gồm UBND tỉnh phê duyệt: 89 Quyết định với 16.853 hồ sơ với 28.313,645 triệu đồng. UBND huyện phê duyệt 77 Quyết định 33.115 hồ sơ với 47.719,560 triệu đồng, bao gồm các.

- Nhóm người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động có 07 Quyết định với 1.183 hồ sơ/4.679,875 triệu đồng.

- Người lao động ngừng việc có 06 Quyết định với 268 hồ sơ/322 triệu đồng.
- Hồ sơ F1, F0, giải quyết mới trong ngày 1.550 hồ sơ, Lũy kế từ trước đến nay là 6.778 hồ sơ/7.701,330 triệu đồng, gồm; 4.258 hồ sơ F0/4.908,150 triệu đồng và 2.520 hồ sơ F1/2.793,180 triệu đồng.
- Chi hỗ trợ hộ kinh doanh do ngừng hoạt động để phòng, chống dịch bệnh: 12 Quyết định phê duyệt 481 hồ sơ/1.443 triệu đồng.
- Nhóm lao động tự do và người bán vé số: Có 93 Quyết định/ với 41.258 người/61.887 triệu đồng.

#### **4.3 Tình hình giải ngân**

- Tổng kinh phí 163 Quyết định với 48.418 hồ sơ/74.327,085 triệu đồng.
- Tổng kinh phí phải chi trả hỗ trợ nhân dân 74.327,085 triệu đồng.
- Số còn lại tiếp tục thực hiện 03 quyết định với 1.550 hồ sơ/ 1.706,120 triệu.

## **2. Công tác thương binh- liệt sỹ & người có công (NCC):**

Thực hiện công tác chi trả trợ cấp thường xuyên cho đối tượng chính sách, Phòng tiếp nhận nguồn kinh phí từ Sở Lao động TB&XH chi trả trợ cấp cho đối tượng chính sách là thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ, người có công với CM, người tham gia kháng chiến, con của người tham gia kháng chiến bị nhiễm CĐHH thông qua đại lý chi trả (cán bộ TBXH xã, thị trấn) kịp thời, đúng quy định.

### **a. Công tác chi trả**

Kinh phí trợ cấp thường xuyên năm 2022 quý 1/2022 là: 5.230.000.000 đồng, trợ cấp 01 lần 18 đối tượng số tiền: 205.000.000 đồng

Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trên địa bàn huyện là 944 người.

Tổng số đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trên địa bàn huyện là 937 người.

- |  |                          |
|--|--------------------------|
| - AHLLVT: 01                           | - Người CCCM: 19;        |
| - Thương binh (từ 21-80%): 358;        | - Thương binh loại B: 03 |
| - Thương binh nặng (trên 81%): 7;      | - Bệnh binh: 90.         |
| - Người P/vụ TB nặng: 7;               | - Tuất 1 LS: 136;        |
| - Tuất từ trần: 52                     | - Bà mẹ VNAH: 04;        |
| - Cán bộ KC bị tù đày: 36;             | - Anh hùng LLVT: 01      |
| - Trợ cấp theo QĐ 142, QNXN : 20;      | - Trợ cấp theo QĐ 53: 01 |
| - Người bị nhiễm CĐHH từ 21- 80%: 155; |                          |
| - Người nhiễm CĐHH( 81% trở lên): 02;  |                          |
| - Con HĐKC nhiễm CĐHH: 48              |                          |
| - Người P/vụ BMVNAH: 4;                |                          |

### **b- Công tác tiếp nhận hồ sơ và giải quyết chế độ:**

Trong 03 tháng năm 2022 Phòng tiếp nhận và chuyển Sở LĐ-TB&XH giải quyết là 16 hồ sơ các loại,

- 0 hồ sơ BHYT cho đối tượng thân nhân của NCC;
- 03 hồ sơ người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- 0 hồ sơ hưởng BHYT theo QĐ 62;
- 0 hồ sơ trợ cấp một lần theo QĐ 62;
- 0 hồ sơ hưởng BHYT theo NĐ 150;
- 0 hồ sơ hưởng BHYT theo QĐ 142;
- 0 hồ sơ hưởng BHYT theo QĐ 49;
- 0 hồ sơ trợ cấp một lần cho cán bộ HĐKC;
- 0 hồ sơ trợ cấp một lần theo QĐ 290;
- 0 hồ sơ BHYT theo QĐ 290;
- 04 hồ sơ MTP và báo giảm t/ cấp cho đối tượng TB, BB và TNLS;
- 2 hồ sơ MTP cho đối tượng theo NĐ 150 và theo QĐ 290 và QĐ 62;
- 0 hồ sơ MTP cho đối tượng theo QĐ 49;
- 0 hồ sơ truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước BMVNAH;
- 2 hồ sơ cấp lại bằng TQGC;
- 0 hồ sơ trợ cấp thờ cúng LS;
- 0 hồ sơ KC được tặng Bằng khen và hệ nhân dân CCCM hưởng trợ cấp một lần.
- 0 hồ sơ hưởng theo QĐ 24.

### **c. Công tác chăm lo gia đình chính sách:**

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện thực hiện tốt công tác chăm lo cho gia đình chính sách, cụ thể như sau:

- Công ty CP Xi măng Fico- TN - Cty Mía đường TN - Cty Cao su 1-5 Tây Ninh, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển BIDV, Ngân hàng NN và PTNT huyện Tân Châu thường xuyên quan tâm phụng dưỡng 05 bà mẹ VNAH với mức hỗ trợ là: 2.000.000đ/ tháng/ mẹ.

### **3. Công tác Bảo trợ xã hội:**

#### **\* Quản lý đối tượng và chi trả trợ cấp:**

Tổng đối tượng BTXH hiện đơn vị đang quản lý chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng là 3.042 người, bao gồm:

- Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên: 1.141
- Trẻ em mồ côi dưới 16 tuổi: 29
- Người khuyết tật nặng: 673
- Trẻ em khuyết tật nặng: 178
- Người cao tuổi khuyết tật nặng: 300
- Người khuyết tật đặc biệt nặng: 149
- Người cao tuổi khuyết tật đặc biệt nặng: 139
- Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng: 46

- Hộ nuôi trẻ mồ côi: 29
  - Hộ nuôi người khuyết tật ĐBN: 346 (Trong đó có 3 hộ gia đình chăm sóc 2 người khuyết tật Đặc biệt nặng)
  - Người khuyết tật nuôi con nhỏ: 1
  - Trẻ em mồ côi từ 16 đến 22 tuổi còn đi học: 5
  - Người đơn thân nghèo nuôi con nhỏ: 6
- tượng thụ hưởng trong quý I là ..3.900.000.000.. đồng.

**\* Giải quyết hồ sơ cho đối tượng:**

Trong kỳ báo cáo, Phòng đã tham mưu UBND huyện giải quyết 126 hồ sơ Bảo trợ xã hội hàng tháng, trong đó: 121 hồ sơ hưởng trợ cấp người cao tuổi, 70 hồ sơ hưởng trợ cấp người khuyết tật và hộ gia đình chăm sóc người khuyết tật, 55 hồ sơ thôi hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, 42 hồ sơ mai táng phí cho đối tượng BTXH từ trần, 24 hồ sơ điều chỉnh trợ cấp BTXH hàng tháng, 02 hồ sơ trợ cấp trẻ em mồ côi và 01 hồ sơ trợ cấp đột xuất.

**\* Thực trạng hộ nghèo**

- Trên địa bàn toàn huyện hiện có 744 hộ/1.95% trong đó (hộ nghèo là 220 hộ/0.58%, hộ cận nghèo là 524 hộ/1.37%). Hộ có mức sống trung bình chiếm 187 hộ, tỷ lệ 14,66%

**\* Tình hình thực hiện các chính sách khác**

- Về BHYT: Thực hiện cấp phát thẻ BHYT cho 281 đối tượng DTTS là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình.

- Về chính sách đề cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo cũng được quan tâm thực hiện kịp thời: Xây mới 03 căn nhà ĐDK cho hộ nghèo là DTTS với tổng kinh phí 145.000.000 đồng.

- Hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán cho người dân với tổng kinh phí từ nguồn ngân sách Tỉnh là 252.900.000 đồng.

- Chăm sóc khám chữa bệnh và cấp phát thuốc tại nơi đăng ký ban đầu: 1.350 lượt người với tổng số tiền là 118.000.000 đồng.

- Hỗ trợ vay vốn: Tổng số hộ có nhu cầu vay vốn là 108 hộ với tổng số tiền là: 1.090.526.000 đồng trong đó: 33 hộ nghèo với tổng tiền là 340.000.000 đồng và 75 hộ cận nghèo với tổng tiền là 750.526.000 đồng.

- Trợ giúp pháp lý: 50 người trong đó 30 lượt người xã Tân Hiệp và 20 lượt người cho xã Thạnh Đông.

**B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUÝ I NĂM 2022:**

**1. Những mặt làm được:**

Được sự quan tâm của chỉ đạo của ngành cấp trên và của Huyện ủy, UBND huyện, nhìn chung trong năm, Phòng đã phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tốt công tác chuyên môn và hoàn thành nhiệm vụ được giao, cụ thể:

- Về công tác chi trả trợ cấp thường xuyên cho đối tượng chính sách Người có công và đối tượng Bảo trợ xã hội đầy đủ, đúng đối tượng, kịp thời.

- Việc đề nghị cấp phát thẻ BHYT luôn được ưu tiên thực hiện với thời gian nhanh nhất nhằm bảo đảm có thể cho các đối tượng thụ hưởng khám chữa bệnh.

- Việc tổ chức các cuộc tập huấn được tập hợp đầy đủ thành phần, đúng thời gian, đảm bảo công tác triển khai các văn bản mới của nhà nước đến đúng đối tượng quản lý.

- Công tác phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã-thị trấn trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn rõ ràng, cụ thể.

- Việc quản lý đối tượng NCC, BTXH, hộ nghèo chặt chẽ, cán bộ TBXH các xã-thị trấn nắm rõ hoàn cảnh đối tượng về điều kiện sinh hoạt, nhà ở để kịp thời tham mưu, đề xuất thực hiện các chính sách trợ giúp.

- Về công tác Lao động, việc làm và đào tạo nghề thực hiện luôn đảm bảo đúng theo kế hoạch.

## **2. Những mặt tồn tại:**

- Cán bộ chuyên môn còn kiêm nhiệm nhiều công việc nên trong quá trình thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn phát sinh đột xuất, công tác tham mưu, báo cáo cho Ủy ban nhân dân huyện có lúc chưa kịp thời.

- Công tác phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai và thực hiện nhiệm vụ đôi lúc chưa chặt chẽ.

- Công chức Lao động-TBXH của các xã, thị trấn nhiều lúc bị quá tải công việc nên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả công tác còn hạn chế, chưa kịp thời.

## **PHẦN THỨ HAI:**

### **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH QUÝ II NĂM 2022**

#### **1. Thuận lợi, khó khăn:**

##### **a. Thuận lợi:**

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của ngành cấp trên và của Huyện ủy, UBND huyện trong quá trình thực hiện công tác chuyên môn nhằm đảm bảo những mục tiêu chung về thực hiện các chính sách An sinh xã hội trên địa bàn huyện.

Cán bộ công chức của Phòng và cán bộ lao động thương binh xã hội các xã – thị trấn nhiệt tình, chăm chỉ, chịu khó đi địa bàn để nắm bắt tình hình đời sống của đối tượng quản lý.

Các văn bản mới về chế độ chính sách được Sở Lao động-TB&XH triển khai tập huấn kịp thời.

##### **b. Khó khăn:**

- Công tác “xã hội” rất đa dạng và phức tạp, ngày càng mở rộng thêm nên nhiệm vụ phát sinh ngày càng nhiều.

- Do khối lượng công việc ngày càng nhiều, một cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều mảng công việc nên đôi lúc bị động, chậm trễ trong quá trình tham mưu giải quyết.

- Một số địa phương còn hạn chế trong khâu chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

- Công chức phụ trách LĐTBXH cấp xã phụ trách nhiều mảng công việc nên quá tải trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả công tác.

## **2. Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu:**

### **\* Quan điểm:**

Tiếp tục thực hiện tốt công tác chính sách Người có công với cách mạng trên địa bàn huyện.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, dạy nghề, lao động việc làm với mục tiêu ngày càng quan tâm, chăm sóc tốt hơn đối với các đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện có hiệu quả nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia để giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện.

Phấn đấu hàng năm đào tạo nghề cho khoảng 1.000 lao động trong đó đặc biệt chú trọng đến chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, góp phần dịch chuyển cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Đưa công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em thành một chỉ tiêu quan trọng trong việc đánh giá sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sự ổn định về chính trị của địa phương nói chung cũng như chỉ tiêu hoàn thành tốt nhiệm vụ của các ban, ngành, đoàn thể có liên đến công tác trẻ em nói riêng. Từ đó, thực hiện tốt các mục tiêu về chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo vệ trẻ em của địa phương.

Tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân về Luật bình đẳng giới với phương châm phát triển kinh tế xã hội gắn liền với bình đẳng giới vì sự tiến bộ phụ nữ.

### **\* Mục tiêu:**

Giảm nghèo bền vững.

Nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Tăng cường bình đẳng giới trong cộng đồng.

Tạo môi trường sống, học tập sinh hoạt cho trẻ em ngày một tốt hơn.

### **\* Chỉ tiêu:**

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1.5% trên năm trở lên.

100% đối tượng được cấp thẻ BHYT được cấp phát thẻ kịp thời.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách khác cho 100% đối tượng được thụ hưởng.

## **3. Nhiệm vụ:**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI nhiệm kỳ 2020-2025, phòng Lao động TBXH xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ như sau:

### **Công tác đào tạo nghề, LĐVL**

- Phối hợp Sở LĐ-TB&XH huấn luyện công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động cho các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

### **Công tác TBLS-NCC**

- Tổ chức rà soát thông tin về LS \_ nhân thân liệt sỹ và hài cốt LS.

- Tổ chức kiểm tra trực tiếp việc thực hiện các chế độ chính sách và chi trả trợ cấp các xã.

- Tiếp tục thực hiện Pháp lệnh ưu đãi Người có công, Nghị định số 31/2013/NĐ-CP và các văn bản dưới luật quy định về chế độ, chính sách đối với Người có công với Cách mạng.

- Kiểm tra định kỳ việc chi trả và thực hiện chế độ chính sách ở các xã, thị trấn.

#### **Công tác BTXH:**

- Tiếp tục thực hiện một số chính sách bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 28/2013/NĐ-CP; Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ đối với người cao tuổi, người tàn tật, trẻ em mồ côi, người tâm thần, người đơn thân, người già cô đơn và người khuyết tật.

#### **Công tác giảm nghèo:**

- Thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ hộ nghèo theo quy định như: hỗ trợ tiền điện, tiền học phí, cấp thẻ BHYT, hỗ trợ xây nhà ĐDK,...

#### **Công tác Phòng chống tệ nạn xã hội:**

Tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng xã, thị trấn lành mạnh không có ma túy mại dâm.

Thực hiện các chương trình PCTNXH do ngành cấp trên chỉ đạo, hướng dẫn.

#### **Công tác trẻ em, Bình đẳng giới VSTBPN:**

- Thực hiện tốt luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

- củng cố và duy trì xã, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Tham mưu thực hiện tốt luật bình đẳng vì sự tiến bộ phụ nữ

- Duy trì và nhân rộng mô hình ngăn ngừa, giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới.

#### **4. Giải pháp:**

Tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp của các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và các địa phương trong việc thực hiện mục tiêu giảm nghèo, thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ cho đối tượng chính sách, hộ nghèo, đối tượng BTXH, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách.

Tham mưu UBND huyện huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để phục vụ công tác giảm nghèo, chăm lo và nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân.

Phát huy hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động về ý thức tự chủ, chăm chỉ làm ăn vươn lên thoát đói nghèo của người dân.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quý I năm 2022 và nhiệm vụ kế hoạch quý II năm 2022 của Phòng LĐ-TB&XH Tân Châu./.



***Nơi nhận:***

- TT.HĐND, UBND huyện(b/c);
- PCT Bình (b/c);
- Phòng TC-KH;
- Chi cục Thống kê;
- Lưu Vt, Nh(D).

**TRƯỞNG PHÒNG**